

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGHỀ: ĐIỆN DÂN DỤNG**

**MÃ NGHỀ: 5520226**

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-CDNNMT-ĐT&HTQT ngày 20 tháng 03 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường*

**Ninh Bình, Năm 2026**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Nghề:** Điện dân dụng

**Mã nghề:** 5520226

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

**Thời gian khóa học:** 2 năm

### 1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Điện dân dụng trình độ trung cấp là ngành, nghề mà người hành nghề chuyên lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng động cơ, máy phát điện, sửa chữa hệ thống điện dân dụng, thiết bị điện gia dụng, thiết bị điều khiển và cảnh báo đạt yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Học chương trình trung cấp nghề Điện dân dụng người học được trực tiếp tham gia thiết kế, lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tủ điện, các thiết bị điện và hệ thống điện dân dụng trong điều kiện an toàn. Họ có thể đảm nhiệm vai trò, chức trách của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, cơ quan, đơn vị kinh doanh, tự tổ chức và làm chủ cơ sở sản xuất, sửa chữa thiết bị điện.

Người làm trong lĩnh vực Điện dân dụng cần thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, rèn kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề nghiệp.

### 2. Mục tiêu đào tạo:

#### 2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ trung cấp chuyên ngành Điện dân dụng có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống văn minh lịch sự, có kiến thức chuyên môn vững vàng, giỏi về tay nghề; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, khoa học, áp dụng những ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào công việc; có khả năng tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức

- + Trình bày được các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện và vật liệu điện;
- + Trình bày được những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;
- + Nêu các khái niệm, định luật, định lý cơ bản trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha;
- + Phân tích được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
- + Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy điện;
- + Trình bày được các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
- + Trình bày được các khái niệm về các tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- + Trình bày được phương pháp tính toán các thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
- + Phân tích được nguyên lý của các loại cảm biến; các mạch điện cảm biến;
- + Nhận dạng được các thiết bị điện cơ trong hệ truyền động điện;
- + Trình bày được nguyên tắc và phương pháp điều khiển tốc độ của hệ truyền động điện;
- + Phân tích được cấu tạo, nguyên lý của một số thiết bị điện hình như soft stater, inverter, các bộ biến đổi;
- + Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện thụ động;
- + Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện bán dẫn, các cách mắc linh kiện trong mạch điện, cách xác định thông số kỹ thuật của linh kiện;
- + Trình bày được cấu tạo các mạch điện tử ứng dụng linh kiện điện tử và nguyên lý hoạt động của chúng;
- + Mô tả được cách sử dụng các thiết bị đo, các thiết bị hàn;
- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các linh kiện điện tử công suất;
- + Trình bày được các qui trình trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;
- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện gia dụng;
- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị lạnh gia dụng;

- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy phát điện xoay chiều đồng bộ một pha;
- + Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC của các hãng khác nhau;
- + Phân tích được các loại bản vẽ thiết kế, lắp đặt của các hệ thống điện;
- + Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại;
- + Phân biệt, nhận diện được các dạng khác nhau về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại theo cách phân loại phổ biến;
- + Giải thích được các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng, ảnh hưởng của chất thải và chất độc hại đến môi trường;
- + Trình bày được các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng cũng như các biện pháp quản lý chất thải và chất độc hại;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và hệ thống máy tính; Mô tả được chức năng của hệ điều hành và các thiết bị ngoại vi thông dụng; Hiểu được các thao tác cơ bản trong quản lý tệp tin, thư mục và khai thác Internet; Trình bày được các chức năng cơ bản của Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint; Hiểu được các nguyên tắc cơ bản về an toàn thông tin và sử dụng máy tính trong học tập, công việc;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh thông dụng; Hiểu được các mẫu câu giao tiếp cơ bản trong sinh hoạt, học tập và công việc; Nhận biết và sử dụng được từ vựng tiếng Anh theo các chủ đề quen thuộc; Hiểu được nội dung chính của các đoạn hội thoại, bài đọc ngắn và thông tin đơn giản bằng tiếng Anh.

#### - Kỹ năng

- + Đọc được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
- + Lắp đặt thành thạo các hệ thống để bảo vệ an toàn trong công nghiệp và dân dụng;
- + Nhận dạng, lựa chọn và sử dụng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
- + Tổ chức thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và sơ, cấp cứu được người bị điện giật đúng phương pháp;

- + Xác định và phân loại được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;
- + Tính chọn được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;
- + Tháo lắp được các loại vật liệu điện, khí cụ điện;
- + Đo được các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
- + Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha ở trạng thái xác lập và quá độ;
- + Vẽ và phân tích được sơ đồ dây quấn stato của động cơ không đồng bộ một pha, ba pha;
- + Tính toán, quấn lại được động cơ một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;
- + Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được máy điện theo yêu cầu;
- + Tháo lắp và sửa chữa được các khí cụ điện đúng theo thông số của nhà sản xuất;
- + Xác định và sửa chữa được các hư hỏng của thiết bị điện gia dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất;
- + Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được các thiết bị lạnh gia dụng;
- + Lắp đặt và bảo dưỡng máy phát điện xoay chiều đồng bộ một ;
- + Lắp đặt được hệ thống chiếu sáng cho hộ gia đình theo bản vẽ thiết kế;
- + Xây dựng và kiểm soát được hệ thống quy trình ISO trong công xưởng hoặc nhà máy;
- + Lắp đặt, sửa chữa được các mạch điều khiển động cơ 1 pha, 3 pha;
- + Lắp ráp được các mạch bảo vệ và tín hiệu;
- + Lắp đặt, sửa chữa được máy phát điện xoay chiều đồng bộ một pha;
- + Lắp ráp, cài đặt được các mạch điện cảm biến;
- + Sửa chữa, thay thế được các mạch điện cảm biến;
- + Tính, chọn được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy;
- + Tính, chọn được nối đất và chống sét cho đường dây tải điện và các công trình phù hợp với điều kiện làm việc theo TCVN và Tiêu chuẩn IEC về điện;
- + Lắp đặt được đường dây cung cấp điện cho một tòa nhà, phân xưởng phù hợp với yêu cầu và đạt tiêu chuẩn;
- + Tính, chọn được động cơ điện phù hợp cho một hệ truyền động điện không điều chỉnh và có điều chỉnh;

- + Xác định được các linh kiện trên sơ đồ mạch điện và thực tế. Vẽ, phân tích được các sơ đồ mạch điện cơ bản ứng dụng linh kiện điện tử;
  - + Sử dụng thành thạo các thiết bị đo để đo, kiểm tra các linh kiện điện tử, các thành phần của mạch điện, các tham số của mạch điện;
  - + Hàn và tháo lắp thành thạo các mạch điện tử;
  - + Kiểm tra được chất lượng các linh kiện điện tử công suất trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất cơ bản;
  - + Lập được kế hoạch bảo trì hợp lý, đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp;
  - + Phân loại và đánh giá được các yếu tố nguy hại đến môi trường;
  - + Áp dụng nguyên tắc 3R trong việc giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng chất thải một cách hiệu quả;
  - + Thực thi các biện pháp an toàn khi tiếp xúc, lưu trữ và sử dụng chất độc hại;
  - + Sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên và năng lượng trong học tập, đời sống;
  - + Sử dụng được máy tính và hệ điều hành để phục vụ học tập và công việc; Thực hiện được các thao tác quản lý dữ liệu, thư mục và thiết bị lưu trữ; Soạn thảo, định dạng và in ấn văn bản đúng quy cách bằng Microsoft Word; Lập và xử lý bảng tính cơ bản, sử dụng được một số hàm thông dụng trong Microsoft Excel; Thiết kế và trình chiếu được bài thuyết trình bằng Microsoft PowerPoint; Khai thác được Internet, thư điện tử và các công cụ tìm kiếm phục vụ học tập và nghề nghiệp;
  - + Nghe và hiểu được các câu giao tiếp tiếng Anh đơn giản trong những tình huống quen thuộc; Giao tiếp được bằng tiếng Anh ở mức độ cơ bản về bản thân, gia đình, học tập và công việc; Đọc và hiểu được các đoạn văn, thông báo, hướng dẫn ngắn bằng tiếng Anh; Viết được các câu, đoạn văn ngắn và điền được các biểu mẫu thông dụng bằng tiếng Anh.
- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:
- + Tuân thủ, nghiêm túc thực hiện học tập và nghiên cứu, tìm hiểu môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
  - + Có đủ sức khỏe, tâm lý vững vàng, tác phong làm việc nhanh nhẹn, linh hoạt để làm việc trong cả điều kiện khắc nghiệt của thời tiết ngoài trời, trên cột điện cao đảm bảo an toàn lao động, cũng như có đủ tự tin, kỷ luật để làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài;

+ Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

+ Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện dân dụng;
- Vận hành, bảo trì hệ thống điện dân dụng;
- Lắp đặt tủ điện;
- Lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện gia dụng;
- Lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị lạnh gia dụng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành máy điện;
- Lắp đặt và bảo dưỡng máy phát điện;
- Thiết kế, thi công các mạng điện chiếu sáng, mạng điện dân dụng;
- Lắp đặt, vận hành hệ thống điện năng lượng tái tạo quy mô nhỏ;
- Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện năng lượng tái tạo;
- Kinh doanh thiết bị điện;
- Tư vấn, giám sát sử dụng tài nguyên và năng lượng.

### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 1825 giờ /69 tín chỉ;
- Số lượng môn học, mô đun: 21;
- Khối lượng học tập các môn chung : 255 giờ/ 11 tín chỉ;
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1570 giờ/58 tín chỉ;
- Khối lượng lý thuyết: 560 giờ; Thực hành, thực tập: 1265 giờ 42 tín chỉ.

### 5. Tổng hợp các năng lực của nghề

| TT | Mã năng lực                             | Tên năng lực                                                                        |
|----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | <b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b> |                                                                                     |
| 1  | NLCB-01                                 | Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản                                         |
| 2  | NLCB-02                                 | Sử dụng công cụ số, ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trong công việc và học tập. |

| TT        | Mã năng lực                                   | Tên năng lực                                                                                                                                    |
|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3         | NLCB-03                                       | Hình thành nhân cách, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và thế giới quan khoa học.                                                        |
| 4         | NLCB-04                                       | Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu biết về quyền và nghĩa vụ công dân/người lao động.                                                     |
| 5         | NLCB-05                                       | Rèn luyện sức khỏe, kỹ năng vận động và lối sống lành mạnh.                                                                                     |
| 6         | NLCB-06                                       | Hiểu biết về quốc phòng, an ninh, tinh thần trách nhiệm với tổ quốc.                                                                            |
| <b>II</b> | <b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b> |                                                                                                                                                 |
| 7         | NLCL-1                                        | Xác định các yếu tố nguy hiểm, có hại trong môi trường làm việc (vật lý, hóa học, sinh học) để dự báo và ngăn ngừa tai nạn, bệnh nghề nghiệp.   |
| 8         | NLCL-2                                        | Hiểu rõ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường, từ đó áp dụng vào thực tế sản xuất.                                     |
| 9         | NLCL-3                                        | Phân loại và sử dụng đúng trang thiết bị bảo hộ lao động cho nghề điện                                                                          |
| 10        | NLCL-4                                        | Tự giác tuân thủ, thái độ làm việc an toàn và kỹ năng xử lý tình huống khẩn cấp, sơ cấp cứu tai nạn lao động và tai nạn điện.                   |
| 11        | NLCL-5                                        | Hiểu được tầm quan trọng của môi trường, các thành phần môi trường, và tác động của con người đến thiên nhiên.                                  |
| 12        | NLCL-6                                        | Thực hiện các hoạt động cụ thể như phân loại rác, trồng cây, làm vệ sinh môi trường, và tiết kiệm năng lượng/tài nguyên.                        |
| 13        | NLCL-7                                        | Hiểu rõ tính chất và phân loại được các vật liệu dẫn điện, cách điện, bán dẫn, từ tính.                                                         |
| 14        | NLCL-8                                        | Chọn lựa vật liệu phù hợp với yêu cầu công nghệ điện cụ thể. Kiểm tra, đánh giá hư hỏng cơ bản của vật liệu, bảo trì vật liệu và thiết bị điện. |
| 15        | NLCL-9                                        | Hiểu bản chất dòng điện, điện áp, điện một chiều, điện xoay chiều.                                                                              |
| 16        | NLCL-10                                       | Phân tích các thành phần trong mạch điện, hệ thống điện. Tính toán các thông số cơ bản trong mạch điện.                                         |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực                                                                                                                         |
|----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | NLCL-11     | Phân biệt ký hiệu khí cụ điện, linh kiện điện tử, thiết bị điện.                                                                     |
| 18 | NLCL-12     | Đọc các sơ đồ điện. Bóc tách bản vẽ, lập dự trù vật tư thiết bị.                                                                     |
| 19 | NLCL-13     | Lựa chọn dụng cụ, thiết bị đo phù hợp. Thành thạo sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo thông số điện.                                    |
| 20 | NLCL-14     | Ghi nhận, xử lý số liệu đo lường điện và lập báo cáo kỹ thuật.                                                                       |
| 21 | NLCL-15     | Phân biệt các dạng cảm biến cơ bản trong lĩnh vực điện công nghiệp. Hiểu cấu tạo, nguyên lý hoạt động các loại cảm biến cơ bản.      |
| 22 | NLCL-16     | Lựa chọn để lắp đặt, đấu nối và thực nghiệm nguyên lý hoạt động của cảm biến phù hợp với yêu cầu điều khiển.                         |
| 23 | NLCL-17     | Phân tích, hiểu rõ sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt hệ thống điện.                                                                   |
| 24 | NLCL-18     | Đọc bản vẽ thi công, lập dự trù vật tư thiết bị và nhân công.                                                                        |
| 25 | NLCL-19     | Thực hiện lắp đặt tủ điện, đi dây, lắp đặt thiết bị điện công nghiệp và thi công hệ thống điện dân dụng                              |
| 26 | NLCL-20     | Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ cầm tay, máy đo, kiểm tra điện.                                                                  |
| 27 | NLCL-21     | Nắm vững và áp dụng quy trình an toàn điện, khoảng cách an toàn, tiêu chuẩn thi công hệ thống điện, tiêu chuẩn, quy trình chống sét. |
| 28 | NLCL-22     | Thi công hệ thống chống sét dân dụng và xưởng công nghiệp.                                                                           |
| 29 | NLCL-23     | Nghiệm thu, bàn giao hệ thống điện công trình sau khi hoàn thành việc lắp đặt hoặc sửa chữa.                                         |
| 30 | NLCL-24     | Xác định phụ tải tính toán cho các loại phụ tải khác nhau.                                                                           |
| 31 | NLCL-25     | Nắm vững cấu tạo, chức năng, nguyên lý hoạt động và ký hiệu của các loại khí cụ điện.                                                |
| 32 | NLCL-26     | Phân biệt các loại khí cụ điện trong thực tế.                                                                                        |
| 33 | NLCL-27     | Tính chọn động cơ cho hệ thống truyền động điện cụ thể.                                                                              |
| 34 | NLCL-28     | Đọc và vẽ sơ đồ bố trí thiết bị, sơ đồ đi dây, sơ đồ nguyên lý của mạch điện.                                                        |
| 35 | NLCL-29     | Lắp ráp, đấu nối, vận hành các mạch điều khiển động cơ                                                                               |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực                                                                                                                                   |
|----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |             | cơ bản.                                                                                                                                        |
| 36 | NLCL-30     | Đo, kiểm tra không điện và có điện.                                                                                                            |
| 37 | NLCL-31     | Xác định và sửa chữa các hư hỏng thông thường trong mạch điện.                                                                                 |
| 38 | NLCL-32     | Thực hiện các biện pháp an toàn khi lắp đặt và sửa chữa mạch trang bị điện.                                                                    |
| 39 | NLCL-33     | Phân biệt cấu tạo, chức năng, nguyên lý hoạt động và ký hiệu các loại máy điện.                                                                |
| 40 | NLCL-34     | Thực hiện tính toán các thông số thi công quấn dây máy điện trên khuôn cho trước.                                                              |
| 41 | NLCL-35     | Đo, kiểm tra đánh giá an toàn của máy điện.                                                                                                    |
| 42 | NLCL-36     | Đấu nối, vận hành, kiểm tra thông số làm việc của máy điện.                                                                                    |
| 43 | NLCL-37     | Áp dụng kiến thức chuyên môn, quy trình sản xuất, và kỹ thuật vào công việc thực tế tại nhà máy/xưởng.                                         |
| 44 | NLCL-38     | Hòa nhập môi trường làm việc, tuân thủ kỷ luật, an toàn lao động và văn hóa doanh nghiệp.                                                      |
| 45 | NLCL-39     | Nhận diện, phân tích và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình sản xuất.                                                               |
| 46 | NLCL-40     | Giao tiếp, làm việc nhóm, và kỹ năng tư duy phản biện                                                                                          |
| 47 | NLCL-41     | Phân biệt các nguồn năng lượng tái tạo. Hiểu rõ nguyên lý sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo, ưu nhược điểm và tiềm năng của chúng. |
| 48 | NLCL-42     | Nghiên cứu thông tin, đánh giá sơ bộ tiềm năng các nguồn năng lượng tái tạo trong nước.                                                        |
| 49 | NLCL-43     | Nhận diện các nguồn năng lượng mới.                                                                                                            |
| 50 | NLCL-44     | Thực nghiệm nguyên lý hoạt động mô hình năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió).                                              |
| 51 | NLNC-45     | Hiểu nguyên lý hoạt động và cấu tạo của các thiết bị điện nhiệt (bàn là, nồi cơm, ấm siêu tốc), thiết bị điện cơ (quạt, máy bơm).              |
| 52 | NLCL-46     | Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, kiểm tra điện chuyên dụng (vạn năng kế, ampe kìm).                                                          |
| 53 | NLCL-47     | Phân tích sơ đồ mạch điện, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa                                                                                           |

| TT         | Mã năng lực              | Tên năng lực                                                                                                                                    |
|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                          | chữa các lỗi thông thường của thiết bị.                                                                                                         |
| 54         | NLCL-48                  | Phân tích cấu tạo, nguyên lý của Stato (cuộn kích từ), Roto (phần ứng), chổi than và nguyên lý hoạt động cả nguồn AC/DC.                        |
| 55         | NLCL-49                  | Vận hành, kiểm tra tốc độ cao, momen lớn và nhận biết các đặc tính đặc biệt của động cơ.                                                        |
| 56         | NLCL-50                  | Khả năng kiểm tra bằng VOM (đo điện trở, đo thông mạch), phát hiện cuộn dây bị cháy, chập, hở mạch roto/stato và sửa chữa các lỗi thông thường. |
| 57         | NLCL-51                  | Thực hiện thay chổi than, vệ sinh cổ góp, kiểm tra độ cách điện và các kết nối dây nối tiếp giữa phần cảm và phần ứng.                          |
| 58         | NLCL-52                  | Hiểu rõ nguyên lý cảm ứng điện từ, cấu tạo (rotor, stator, bộ điều chỉnh áp AVR) và sơ đồ mạch điện của máy phát điện xoay chiều một pha.       |
| 59         | NLCL-53                  | Có khả năng lắp đặt máy phát, kết nối dây dẫn, đấu nối hệ thống điều khiển và tải một cách chính xác, an toàn.                                  |
| 60         | NLCL-54                  | Khởi động, điều chỉnh tốc độ, điện áp và tần số đúng tiêu chuẩn.                                                                                |
| 61         | NLCL-55                  | Thực hiện bảo dưỡng định kỳ, kiểm tra hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, thay dầu, vệ sinh chi tiết máy để đảm bảo tuổi thọ.                   |
| 62         | NLCL-56                  | Phát hiện các sự cố thông thường (sụt áp, không ra điện, động cơ không nổ) và sửa chữa hoặc thay thế linh kiện.                                 |
| 63         | NLCL-57                  | Sử dụng thành thạo các dụng cụ, đồ nghề sửa chữa, lắp đặt điện lạnh đúng quy trình và an toàn.                                                  |
| 64         | NLCL-58                  | Thực hiện bảo dưỡng, lắp đặt, sửa chữa các hệ thống lạnh dân dụng (Tủ lạnh, điều hòa, cây nước nóng lạnh...).                                   |
| 65         | NLCL-59                  | Kiểm tra, chẩn đoán, và khắc phục được các sự cố phổ biến trong thiết bị lạnh gia .                                                             |
| <b>III</b> | <b>Năng lực nâng cao</b> |                                                                                                                                                 |
| 66         | NLNC-1                   | Thiết kế và ứng dụng phần mềm chuyên ngành lập các                                                                                              |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực                                                                 |
|----|-------------|------------------------------------------------------------------------------|
|    |             | bản vẽ thi công điện.                                                        |
| 67 | NLNC-2      | Lập kế hoạch, quản lý thời gian, và tối ưu hóa hoạt động sản xuất.           |
| 68 | NLNC-3      | Khả năng cập nhật công nghệ mới, thiết bị gia dụng thông minh (Smart Home).  |
| 69 | NLNC-4      | Nắm bắt kỹ thuật mới, xu hướng tự động hóa trong các thiết bị điện gia dụng, |

## 6. Nội dung chương trình

| Mã<br>MH,<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                   | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) |              |                                                           |                     |
|-----------------|---------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|---------------------|
|                 |                                       |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                           |                     |
|                 |                                       |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực tập/<br>thí<br>nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| <b>I</b>        | <b>Các môn học chung</b>              | <b>11</b>        | <b>255</b>              | <b>94</b>    | <b>148</b>                                                | <b>13</b>           |
| MH 01           | Tiếng anh                             | 3                | 90                      | 30           | 56                                                        | 4                   |
| MH 02           | Tin học                               | 2                | 45                      | 15           | 29                                                        | 1                   |
| MH 03           | Giáo dục Chính trị                    | 2                | 30                      | 15           | 13                                                        | 2                   |
| MH 04           | Pháp luật                             | 1                | 15                      | 9            | 5                                                         | 1                   |
| MH 05           | Giáo dục quốc phòng - An ninh         | 2                | 45                      | 21           | 21                                                        | 3                   |
| MH 06           | Giáo dục thể chất                     | 1                | 30                      | 4            | 24                                                        | 2                   |
| <b>II</b>       | <b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b> | <b>58</b>        | <b>1570</b>             | <b>466</b>   | <b>1033</b>                                               | <b>71</b>           |
| II.1            | Môn học, mô đun cơ sở                 | 11               | 210                     | 99           | 100                                                       | 11                  |
| MH 07           | An toàn lao động và bảo vệ môi trường | 2                | 30                      | 20           | 8                                                         | 2                   |

| Mã<br>MH,<br>MĐ  | Tên môn học, mô đun                                                 | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) |              |                                                           |                     |
|------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|---------------------|
|                  |                                                                     |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                           |                     |
|                  |                                                                     |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực tập/<br>thí<br>nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| MH 08            | Vật liệu điện                                                       | 1                | 20                      | 15           | 4                                                         | 1                   |
| MH 09            | Điện kỹ thuật                                                       | 3                | 60                      | 23           | 33                                                        | 4                   |
| MĐ 10            | Vẽ điện                                                             | 2                | 40                      | 11           | 27                                                        | 2                   |
| MĐ 11            | Kỹ thuật Đo lường và<br>cảm biến                                    | 3                | 60                      | 30           | 28                                                        | 2                   |
| II.2             | Môn học, mô đun<br>chuyên môn                                       | 47               | 1360                    | 367          | 933                                                       | 60                  |
| MĐ 12            | Kỹ thuật lắp đặt điện                                               | 5                | 120                     | 35           | 78                                                        | 7                   |
| MĐ 13            | Kỹ thuật điện tử                                                    | 5                | 100                     | 40           | 54                                                        | 6                   |
| MĐ 14            | Máy điện                                                            | 4                | 100                     | 30           | 62                                                        | 8                   |
| MH15             | Cung cấp điện                                                       | 3                | 60                      | 42           | 14                                                        | 4                   |
| MĐ 16            | TT trải nghiệm thực tế<br>tại CSSX                                  | 8                | 360                     | 53           | 299                                                       | 8                   |
| MĐ 17            | Năng lượng mới và tái<br>tạo                                        | 2                | 40                      | 15           | 23                                                        | 2                   |
| MĐ 18            | Thiết bị điện gia dụng                                              | 7                | 160                     | 60           | 92                                                        | 8                   |
| MĐ 19            | Lắp đặt và bảo dưỡng<br>máy phát điện xoay<br>chiều đồng bộ một pha | 3                | 60                      | 22           | 35                                                        | 3                   |
| MĐ20             | Thiết bị lạnh gia dụng                                              | 5                | 120                     | 30           | 84                                                        | 6                   |
| MĐ21             | Thực tập tốt nghiệp                                                 | 5                | 240                     | 40           | 192                                                       | 8                   |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                     | <b>69</b>        | <b>1825</b>             | <b>560</b>   | <b>1181</b>                                               | <b>84</b>           |

## 7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Giảng dạy các môn học chung bắt buộc.

+ Môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Tin học; Giáo dục thể chất; Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số: 10,11,12,13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Môn học Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số: 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Môn học Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế.

Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CDNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ.

Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CDNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

| Mã<br>MH/<br>MĐ | Tên môn học, mô đun | Số tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                                                     |                     |
|-----------------|---------------------|---------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------------------------|---------------------|
|                 |                     |               | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                     |                     |
|                 |                     |               |                         | Lý<br>thuyết | Thực hành/<br>thực tập/<br>thí nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| MH01            | Tiếng anh           | 3             | 90                      | 30           | 56                                                  | 4                   |
| MH02            | Tin học             | 2             | 45                      | 15           | 29                                                  | 1                   |

| Mã<br>MH/<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                      | Số tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                                                     |                     |
|-----------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------------------------|---------------------|
|                 |                                          |               | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                     |                     |
|                 |                                          |               |                         | Lý<br>thuyết | Thực hành/<br>thực tập/<br>thí nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| MH04            | Pháp luật                                | 1             | 15                      | 9            | 5                                                   | 1                   |
| MH07            | An toàn lao động và bảo<br>vệ môi trường | 2             | 30                      | 20           | 8                                                   | 2                   |
| MH08            | Vật liệu điện                            | 1             | 20                      | 15           | 4                                                   | 1                   |
| MH15            | Cung cấp điện                            | 3             | 60                      | 42           | 14                                                  | 4                   |
|                 | <b>Tổng cộng</b>                         | <b>12</b>     | <b>260</b>              | <b>131</b>   | <b>116</b>                                          | <b>13</b>           |

- Tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp:

| Mã<br>MH/<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                                                        |                     |
|-----------------|------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
|                 |                                    |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                        |                     |
|                 |                                    |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/ thực<br>tập/ thí<br>nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| MĐ16            | TT trải nghiệm thực tế tại<br>CSSX | 8                | 360                     | 63           | 259                                                    | 8                   |
| MĐ21            | Thực tập tốt nghiệp                | 5                | 240                     | 40           | 192                                                    | 8                   |
|                 | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>13</b>        | <b>600</b>              | <b>103</b>   | <b>451</b>                                             | <b>16</b>           |

- Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp, bao gồm:

| TT | Nội dung          | Thời gian                                    |
|----|-------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |

| TT | Nội dung                                                                                        | Thời gian                                                                                   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Sinh hoạt tập thể                   | Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)                                   |
| 3  | Hoạt động thư viện. Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần                                                         |
| 4  | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể                                                    | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5  | Thăm quan, dã ngoại                                                                             | Mỗi năm học 1 lần                                                                           |

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun.

Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CĐNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

- Thi tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Thi tốt nghiệp: Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Môn thi lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành.

| Số TT | Môn thi              | Hình thức thi                      | Thời gian thi      |
|-------|----------------------|------------------------------------|--------------------|
| 1     | Lý thuyết chuyên môn | Viết                               | Không quá 180 phút |
| 2     | Thực hành            | Làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp | Không quá 8 giờ    |

- Xét công nhận tốt nghiệp: Người học được công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng các quy định trong Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CĐNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường./.

HIỆU TRƯỞNG

